

Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số

Họ và tên: _____

Ngày: _____

DẠNG 1. Đặt tính rồi tính

Gợi ý: viết số thẳng cột (đơn vị thẳng đơn vị), tính từ phải sang trái. Đơn vị cộng đơn vị được 10 trở lên thì viết hàng đơn vị, nhớ 1 sang hàng chục.

Bài 1. Tính (điền chữ số vào ô trống).

$$\begin{array}{r} 26 \\ a) + 7 \\ \hline \square \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 49 \\ b) + 5 \\ \hline \square \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68 \\ c) + 4 \\ \hline \square \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 15 \\ d) + 9 \\ \hline \square \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 77 \\ e) + 6 \\ \hline \square \square \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 34 \\ f) + 8 \\ \hline \square \square \end{array}$$

Bài 2. Đặt tính rồi tính (viết vào ô li bên dưới mỗi phép tính).

a) $38 + 5$

b) $59 + 7$

c) $74 + 9$

d) $23 + 8$

DẠNG 2. Đúng hay sai?

Gợi ý: tự tính lại từng hàng. Hay sai nhất: quên cộng số nhớ, hoặc đặt số một chữ số lệch sang cột chục.

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống.

a) $37 + 6 = 43$ ☐

b) $65 + 8 = 63$ ☐

c) $29 + 4 = 33$ ☐

d) $48 + 7 = 45$ ☐

Bài 4. Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng.

a) $57 + 5 = ?$ A. 52 B. 62 C. 107

.....

b) $19 + 6 = ?$ A. 25 B. 79 C. 15

.....

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Gợi ý: đọc kĩ đề, tìm hai số. Hỏi “có tất cả” hay “nhiều hơn ... bao nhiêu” thì làm phép cộng. Viết câu lời giải, phép tính, đáp số.

Bài 5. Tổ Một nhặt được 36 quả thông. Tổ Hai nhặt được nhiều hơn Tổ Một 7 quả. Hỏi Tổ Hai nhặt được bao nhiêu quả thông?

.....
.....
.....

Bài 6. Bể nhà Na có 56 con cá vàng. Bố thả thêm 7 con.

a) Bể có tất cả bao nhiêu con cá vàng?

.....
.....
.....

b) Hôm sau bố thả thêm 8 con nữa. Bây giờ bể có bao nhiêu con cá vàng?

.....
.....
.....

Phép cộng (có nhớ) số có hai chữ số với số có một chữ số

DẠNG 1. Đặt tính rồi tính

Cách làm. Ví dụ $26 + 7$: viết 7 thẳng cột với 6. $6 + 7 = 13$, viết 3, nhớ 1. 2 thêm 1 bằng 3, viết 3. Kết quả 33.

Bài 1.

- a) $6 + 7 = 13$, viết 3, nhớ 1; $2 + 1 = 3$. Đáp án: 33
- b) $9 + 5 = 14$, viết 4, nhớ 1; $4 + 1 = 5$. Đáp án: 54
- c) $8 + 4 = 12$, viết 2, nhớ 1; $6 + 1 = 7$. Đáp án: 72
- d) $5 + 9 = 14$, viết 4, nhớ 1; $1 + 1 = 2$. Đáp án: 24
- e) $7 + 6 = 13$, viết 3, nhớ 1; $7 + 1 = 8$. Đáp án: 83
- f) $4 + 8 = 12$, viết 2, nhớ 1; $3 + 1 = 4$. Đáp án: 42

Bài 2.

- a) $8 + 5 = 13$, viết 3, nhớ 1; $3 + 1 = 4$. Đáp án: 43
- b) $9 + 7 = 16$, viết 6, nhớ 1; $5 + 1 = 6$. Đáp án: 66
- c) $4 + 9 = 13$, viết 3, nhớ 1; $7 + 1 = 8$. Đáp án: 83
- d) $3 + 8 = 11$, viết 1, nhớ 1; $2 + 1 = 3$. Đáp án: 31

DẠNG 2. Đúng hay sai?

Cách làm. Tính lại từ hàng đơn vị. Nếu hàng đơn vị được 10 trở lên mà hàng chục của kết quả không thêm 1 thì bạn ấy đã quên nhớ.

Bài 3.

- a) $7 + 6 = 13$, viết 3, nhớ 1; $3 + 1 = 4$. Được 43. Đáp án: Đ
- b) $5 + 8 = 13$, viết 3, nhớ 1; $6 + 1 = 7$. Đúng phải là 73 (quên nhớ). Đáp án: S
- c) $9 + 4 = 13$, viết 3, nhớ 1; $2 + 1 = 3$. Được 33. Đáp án: Đ

d) $8 + 7 = 15$, viết 5, nhớ 1; $4 + 1 = 5$. Đúng phải là 55 (quên nhớ). Đáp án: **S**

Bài 4.

a) $7 + 5 = 12$, viết 2, nhớ 1; $5 + 1 = 6$. 52 là quên nhớ; 107 là đặt 5 lệch sang cột chục.

Đáp án: **B. 62**

b) $9 + 6 = 15$, viết 5, nhớ 1; $1 + 1 = 2$. 15 là quên nhớ; 79 là đặt 6 lệch sang cột chục.

Đáp án: **A. 25**

DẠNG 3. Bài toán có lời văn

Cách làm. Bài giải gồm 3 dòng: câu lời giải (...là:), phép tính có đơn vị trong ngoặc, đáp số.

Bài 5. Số quả thông Tổ Hai nhặt được là: $36 + 7 = 43$ (quả). Đáp số: 43 quả thông.

Đáp án: **43 quả thông**

Bài 6.

a) Số cá vàng trong bể là: $56 + 7 = 63$ (con). Đáp số: 63 con cá. Đáp án:

63 con cá

b) Số cá vàng bây giờ là: $63 + 8 = 71$ (con). Đáp số: 71 con cá. Đáp án: **71 con cá**